

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 5,7 ha) phục vụ thi công dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Bắc khu Nhà ở xã hội Nhơn Bình tại mỏ 213 thuộc Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2573/STNMT-CCBVMT ngày 21/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp, diện tích 5,7 ha tại Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục (diện tích 5,7 ha) phục vụ thi công dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Bắc khu Nhà ở xã hội Nhơn Bình tại mỏ 213 thuộc Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 694/TTPTQĐ-QLPTQĐ ngày 27/10/2022 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 926/TTr-STNMT ngày 07/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM của dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 5,7 ha) phục vụ thi công dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Bắc khu Nhà ở xã hội Nhơn Bình (sau đây gọi là Dự án) của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại mỏ 213 thuộc Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với

các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND Phường Bùi Thị Xuân;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP (DIỆN TÍCH 5,7 HA)
PHỤC VỤ THI CÔNG DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ
PHÍA BẮC KHU NHÀ Ở XÃ HỘI NHƠN BÌNH TẠI MỎ 213 THUỘC
PHƯỜNG BÙI THỊ XUÂN, THÀNH PHỐ QUY NHƠN
CỦA TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 5,7 ha) phục vụ thi công dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Bắc khu Nhà ở xã hội Nhơn Bình tại mỏ 213 thuộc Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn.

- Địa điểm thực hiện: mỏ 213 thuộc Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn.

- Chủ đầu tư: Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh.

- Địa chỉ liên hệ: số 45 Lê Lợi, Phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Điện thoại: (0256) 3811 832.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 5,7 ha.

- Thời hạn khai thác: 10 tháng.

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).

- Trữ lượng khai thác: 258.454 m³ đất địa chất (tương ứng 300.065 m³ đất nguyên khai với hệ số nở rời 1,29, tỷ lệ thu hồi 90%).

- Công suất khai thác: 258.454 m³ đất địa chất/10 tháng (dự kiến trong năm 2023).

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác

Phương pháp khai thác: Vị trí mở vỉa tại cao độ (từ cos +55m xuống cos +50m) tại trung tâm dự án gần điểm mốc số 4, vị trí kết thúc thấp nhất của dự án tại cos +18 m. Hướng khai thác từ Đông Nam xuống Tây Bắc và từ Đông sang Tây. Sử dụng máy đào (dung tích gầu 1,25 m³) để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

- Công trình bảo vệ môi trường: 06 hố giảm tốc (phía Đông, Đông Bắc, Tây Bắc, Tây và Tây Nam mở), hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa.

- Tuyến đường tạm trong mỏ (kết hợp làm các mương thoát nước dọc tuyến đường) dài khoảng 200 m.

- Khu vực phụ trợ phía Đông dự án (nằm trong khu vực mỏ), diện tích khoảng 1.000 m²: bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe và bãi lưu chứa đất tạm (diện tích khoảng 400 m²).

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng với diện tích 5,7 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác từ hoạt động khai thác và vận chuyển; gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 2,24 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 6.458 m³/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn 5,7 ha).

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Bắc khu Nhà ở xã hội Nhơn Bình, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 16,8 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 05 kg/năm; pin, ắc quy thải (Mã chất thải: 16 01 12) khoảng 07 kg/năm.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 15kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ, nguy cơ sa bồi xuống khu vực hạ lưu, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ khoảng 773 m (kích thước: đáy lớn 1,9 m x đáy bé 1,5 m x sâu 1,0 m); mương thu gom nước mưa chảy tràn dọc tuyến đường có chiều dài 200 m (kích thước: đáy lớn 1,2 m x đáy bé 0,4 m x sâu 0,5 m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hệ thống hồ giảm tốc dòng chảy, giảm thiểu sa bồi: Gồm 06 hồ giảm tốc được gia cố đảm bảo, cụ thể:

+ Hồ giảm tốc số 1 phía Đông mỏ (tọa độ: 1.519.770, 599.106), thể tích khoảng 120 m³ (diện tích 40 m², sâu 3 m).

+ Hồ giảm tốc số 2 phía Đông Bắc mỏ (tọa độ: 1.519.850, 598.952), thể tích khoảng 120 m³ (diện tích 40 m², sâu 3 m).

+ Hồ giảm tốc 3 phía Tây Bắc mỏ (tọa độ: 1.519.818, 599.811), thể tích khoảng 135 m³ (diện tích 45 m², sâu 3 m).

+ Hồ giảm tốc 4 phía Tây mỏ (tọa độ: 1.519.660, 598.860), thể tích khoảng 330 m³ (diện tích 110 m², sâu 3 m).

+ Hồ giảm tốc số 5 phía Tây Nam mỏ (tọa độ: 1.519.514, 598.909), thể tích 120 m³ (diện tích 40 m², sâu 3 m).

+ Hồ giảm tốc 6 phía Tây Nam mỏ (tọa độ: 1.519.547, 598.898), thể tích khoảng 240 m³ (diện tích 80 m², sâu 3 m).

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Đông mỏ → mương thu gom xung quanh mỏ → hồ giảm tốc số 01 phía Đông (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → Mương thoát nước hiện trạng phía Đông Bắc mỏ.

+ Nước mưa chảy tràn phía Đông Bắc mỏ → mương thu gom xung quanh mỏ → hồ giảm tốc số 02 phía Đông Bắc mỏ (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → Khe thoát nước hiện trạng phía Nam mỏ.

+ Nước mưa chảy tràn ở phía Bắc và Tây Bắc mỏ → mương thu gom xung quanh mỏ → hồ giảm tốc số 03 phía Tây Bắc (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → Khe thoát nước hiện trạng phía Tây Bắc mỏ.

+ Nước mưa chảy tràn ở phía Tây mỏ → mương thu gom xung quanh mỏ

→ hồ giảm tốc số 04 phía Tây (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → Khe thoát nước hiện trạng phía Tây mở.

+ Nước mưa chảy tràn ở phía Nam → hồ giảm tốc số 5 và nước mưa chảy tràn phía Tây Nam mở → mương thu gom xung quanh mở → hồ giảm tốc số 06 phía Tây Nam (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → Khe thoát nước hiện trạng phía Tây mở.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đất từ khu vực mỏ đến công trình (tại các vị trí qua khu dân cư, các công trình xây dựng...) và tăng cường vào mùa nắng.

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở, không để rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

- Vệ sinh bánh xe khi ra khỏi khu vực mỏ.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định Luật Khoáng sản.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	Khu vực mỏ				
1.	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	9	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc Dự án

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
2.	San gạt mặt bằng mỏ	m ³	5.130	Tạo bề mặt bằng phẳng, thoải về phía Tây thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác.
3.	San lấp mương thoát nước và hố giảm tốc	m ³	2.704	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác.
4.	Tháo dỡ tuyến đường công vụ vào mỏ	m ³	462		
5.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	m ²	40		
6.	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực mỏ	ha	5,7	Phủ xanh khu vực khai thác	Sau khi kết thúc khai thác.
7.	Đo vẽ địa hình khu mỏ	ha	5,7	Giám sát độ sâu khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng.

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **588.500.000đồng** (Năm trăm tám mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 01 lần, thực hiện trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó. Hiện trạng địa hình dự án cao hơn khu vực tiếp giáp phía Đông trung bình 2,2 m đến 8,1 m; do vậy, tạo giữ bờ dừng khu vực phía Đông kết hợp nắn dòng dẫn nước mưa chảy tràn về các hồ giảm tốc phía Tây dự án nhằm giảm thiểu sạt lở phía Đông trong quá trình khai thác.

- Thường xuyên nạo vét hố giảm tốc và mương thoát nước mưa đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi, gây ảnh hưởng đến các khe thoát nước hiện trạng.

- Bố trí khu vực điều tiết lưu lượng xe ra vào mỏ, không tập trung xe trên đường đất hiện trạng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

Giám sát bụi lơ lửng (TSP): 01 điểm tại khu vực tiếp giáp đường bê tông và đường đất hiện trạng phía Bắc dự án và 01 điểm trên tuyến đường qua dân cư so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; tần suất giám sát 03 tháng/lần.